

Số: 2988 /QĐ-UBND

Bình Định, ngày 11 tháng 08 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ di dời mồ mã cho các hộ dân bị ảnh hưởng do giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án Trung tâm trí tuệ nhân tạo - Đô thị phụ trợ tại phường Trần Quang Diệu và phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 21/2023/QĐ-UBND ngày 14/5/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc và mồ mã khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 1504/QĐ-UBND ngày 22/4/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án sơ bộ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của các hộ gia đình, cá nhân và tổ chức bị ảnh hưởng do thu hồi đất để phục vụ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư xây dựng dự án Khu đô thị Long Vân 1;

Căn cứ Quyết định số 4922/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất Dự án: Trung tâm trí tuệ nhân tạo - Đô thị phụ trợ tại phường Trần Quang Diệu và phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn;

Theo đề nghị của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh tại Tờ trình số 164/TTr-TTPTQĐ ngày 31/7/2023 và ý kiến thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 960/TTr-STNMT ngày 07/8/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ di dời mồ mã cho các hộ dân bị ảnh hưởng do giải phóng mặt bằng (GPMB) để thực hiện dự án Trung tâm trí tuệ nhân tạo - Đô thị phụ trợ tại phường Trần Quang Diệu và phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn, với một số nội dung cụ thể như sau:

1. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ và chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) là **2.253.785.000 đồng** (Hai tỷ, hai trăm năm mươi ba triệu, bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng), trong đó:

- Giá trị bồi thường, hỗ trợ: 2.209.593.000 đồng.
- Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 44.192.000 đồng.

(Trong đó, chi phí thẩm định 0,2% là 4.419.000 đồng. Riêng chi phí thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường là 3.093.000 đồng).

(Chi tiết như Phụ lục kèm theo Quyết định này)

2. Nguồn vốn chi trả: Công ty TNHH Trí tuệ nhân tạo Quy Nhơn.

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo, hướng dẫn Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh chủ trì, phối hợp với các ngành và địa phương tổ chức triển khai thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ đã được phê duyệt tại Điều 1 theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các hộ dân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /s/

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP KT;
- Lưu: VT, K4, K14, K16.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Hải Giang

Phụ lục**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ DI DỜI MỜ MẢ CHO CÁC HỘ DÂN BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB ĐỂ XÂY DỰNG DỰ ÁN TRUNG TÂM TRÍ TUỆ NHÂN TẠO - ĐÔ THỊ PHỤ TRỢ, TẠI PHƯỜNG TRẦN QUANG DIỆU VÀ PHƯỜNG BÙI THỊ XUÂN, THÀNH PHỐ QUY NHƠN***(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

TT	Hộ dân	Địa chỉ	Số lượng mộ di dời								Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)				
			Mộ đất	Mộ xây						Cộng	Bồi thường di dời mờ mả	Vật kiến trúc	Cây cối	Hỗ trợ di chuyển mờ mả	Giá trị BT, HT (đồng)
				B1	B2	B3	B4	B5	B6						
a	b	c	d	e	f	g	h	i	k	l= d ++k	m	n	o	p	q = (m +++ p)
1	Trần Văn Đồng	Tổ 4, KV 4, P. Trần Quang Diệu		2					1	3	102.274.308	12.212.760		1.500.000	115.987.000
2	Trần Ngọc Anh	Tổ 8, KV 2, P. Trần Quang Diệu		1						1	4.531.000			500.000	5.031.000
3	Trần Văn Hội	Tổ 4, KV 4, P. Trần Quang Diệu	1					1		2	65.682.786	432.960		1.000.000	67.116.000
4	Lê Văn Mỹ	Tổ 2, KV 4, P. Trần Quang Diệu	4		1					5	18.125.319	1.335.040		2.500.000	21.960.000
5	Thạch Chiến	Tổ 7, KV4, P. Trần Quang Diệu				1		1		2	41.766.857	1.597.000		1.000.000	44.364.000
6	Nguyễn Chương	Tổ 5, KV4, P. Trần Quang Diệu	1							1	2.500.000	1.368.800		500.000	4.369.000
7	Mai Văn Thám	Tổ 5, KV 4, P. Trần Quang Diệu	1						1	2	64.232.327	1.520.060		1.000.000	66.752.000
8	Nguyễn Văn Phùng	Tổ 4, KV 4, P. Trần Quang Diệu		1						2	165.937.500	990.000		1.500.000	168.428.000
9	Trần Văn Khé	Tổ 3, KV4, P. Trần Quang Diệu	1							1	72.035.385	1.404.400		1.000.000	74.440.000
10	Nguyễn Văn Liên	Tổ 4, KV 4, P. Trần Quang Diệu	3							3	7.500.000			1.500.000	9.000.000
11	Mai Văn Thận	Tổ 2, KV4, P. Trần Quang Diệu	1							1	2.500.000			500.000	3.000.000

TT	Hộ dân	Địa chỉ	Số lượng mộ di dời								Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)				
			Mộ đất	Mộ xây						Cộng	Bồi thường di dời mồ mã	Vật kiến trúc	Cây cối	Hỗ trợ di chuyển mồ mã	Giá trị BT, HT (đồng)
				B1	B2	B3	B4	B5	B6						
a	b	c	d	e	f	g	h	i	k	l= d ++k	m	n	o	p	q = (m +++ p)
12	Trần Mộng Lâm	Tổ 8, KV7, P. Trần Quang Diệu	1	1						2	8.325.571			1.000.000	9.326.000
13	Trần Khánh Vương	Tổ 4, KV4, P. Trần Quang Diệu	2							2	5.000.000	271.040		1.000.000	6.271.000
14	Đặng Xuân Long	Tổ 12, KV2, P. Trần Quang Diệu	5							5	12.500.000			2.500.000	15.000.000
15	Trần Văn Bình	Tổ 2, KV 4, P. Trần Quang Diệu	3	3					3	9	193.583.173	4.932.000		4.500.000	203.015.000
16	Mai Thanh Châu	Tổ 2, KV 4, P. Trần Quang Diệu	1							1	2.500.000	200.000		500.000	3.200.000
17	Nguyễn Hữu Thọ	Tổ 2, KV 7,P. Trần Quang Diệu	8							8	20.000.000			4.000.000	24.000.000
18	Lê Mai Hoàng, con Lê Hồng Trang ĐDKK	Tổ 5, KV 4, P. Trần Quang Diệu							3	3	168.412.615	3.941.280	2.970.000	1.500.000	176.824.000
19	Trần Đức Chiến	Tổ 1, KV 4, P. Trần Quang Diệu	1							1	2.500.000			500.000	3.000.000
20	Lê Văn Hiệp	Tổ 2, KV 4, P. Trần Quang Diệu	1							1	2.500.000			500.000	3.000.000
21	Phan Đình Hà	Tổ 1, KV5, P. Trần Quang Diệu			3					3	19.458.000			1.500.000	20.958.000
22	Trần Thòa	Tổ 3, KV 4, P. Trần Quang Diệu	3							3	7.500.000	200.000		1.500.000	9.200.000
23	Nguyễn Văn Thao	Tổ 3, KV4,P. Trần Quang Diệu							4	4	165.093.673			2.000.000	167.094.000
24	Nguyễn Thị Dư	Tổ 2, KV4,P. Trần Quang Diệu							1	1	72.542.596	1.597.000		500.000	74.640.000
25	Bùi Ngọc Phú	Tổ 5, KV4, P. Trần Quang Diệu	3							3	7.500.000	600.000		1.500.000	9.600.000
26	Nguyễn Thị Hơ	Tổ 1, KV4, P. Trần Quang Diệu	2							2	5.000.000	2.065.540		1.000.000	8.066.000

TT	Hộ dân	Địa chỉ	Số lượng mộ di dời								Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)				
			Mộ đất	Mộ xây						Cộng	Bồi thường di dời mồ mã	Vật kiến trúc	Cây cối	Hỗ trợ di chuyển mồ mã	Giá trị BT, HT (đồng)
				B1	B2	B3	B4	B5	B6						
a	b	c	d	e	f	g	h	i	k	l= d ++k	m	n	o	p	q = (m +++ p)
27	Trần Xuân Huệ	Tổ 3, KV4, P. Trần Quang Diệu	1							1	2.500.000			500.000	3.000.000
28	Phan Văn Anh	Tổ 2, KV4, P. Trần Quang Diệu	2							2	5.000.000			1.000.000	6.000.000
29	Phạm Thị Ngà, con Mai Trung Toàn ĐDKK	Tổ 2, KV 4, P. Trần Quang Diệu	10			1			1	12	162.199.832	10.289.120		6.000.000	178.489.000
30	Phạm Văn Tám	Tổ 3, KV 4, P. Trần Quang Diệu				1				1	11.292.000			500.000	11.792.000
31	Trần Thị Gấm	Tổ 4, KV 4, P. Trần Quang Diệu						1		1	33.496.071	1.201.160		500.000	35.197.000
32	Phạm Hoàng Thân	Tổ 5, KV 4, P. Trần Quang Diệu	2				1			3	20.190.000	330.000		1.500.000	22.020.000
33	Phan Anh Tôn	Tổ 4, KV 5, P. Bùi Thị Xuân	8							8	20.000.000			4.000.000	24.000.000
34	Nguyễn Hữu Dân	Tổ 3, KV4, P. Trần Quang Diệu	3						2	5	161.150.769	13.591.620		2.500.000	177.242.000
35	Trần Ân	Tổ 1, KV5, P. Trần Quang Diệu	4							4	10.000.000			2.000.000	12.000.000
36	Phạm Thị Ánh Nguyệt	Tổ 7, KV4, P. Trần Quang Diệu	1							1	2.500.000			500.000	3.000.000
37	Nguyễn Duy Tâm	Tổ 5, KV4, P. Trần Quang Diệu	1						2	3	214.310.000	9.277.920		1.500.000	225.088.000
38	Nguyễn Hữu Khôi	Tổ 2, KV4, P. Trần Quang Diệu	1			1				2	31.257.374	2.259.920		1.000.000	34.517.000
39	Bùi Văn Lành	Tổ 5, KV4, P. Trần Quang Diệu	9							9	22.500.000	3.559.200		4.500.000	30.559.000
40	Bùi Văn Tâm	Tổ 5, KV4, P. Trần Quang Diệu	2							2	5.000.000			1.000.000	6.000.000
41	Phan Văn Lợi	Tổ 1, KV4, P. Trần Quang Diệu	8							8	20.000.000			4.000.000	24.000.000

TT	Hộ dân	Địa chỉ	Số lượng mộ di dời								Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)				
			Mộ đất	Mộ xây						Cộng	Bồi thường di dời mồ mã	Vật kiến trúc	Cây cối	Hỗ trợ di chuyển mồ mã	Giá trị BT, HT (đồng)
				B1	B2	B3	B4	B5	B6						
a	b	c	d	e	f	g	h	i	k	l= d ++k	m	n	o	p	q = (m +++ p)
42	Nguyễn Công Cương	Tổ 1, KV4, P. Trần Quang Diệu	2							2	5.000.000			1.000.000	6.000.000
43	Nguyễn Thành Tâm	Tổ 1, KV4, P. Trần Quang Diệu	1							1	2.500.000			500.000	3.000.000
44	Trần Văn Hồng	Tổ 4, KV4, P. Trần Quang Diệu	1							1	2.500.000			500.000	3.000.000
45	Trần Nhật Du	Tổ 4, KV4, P. Trần Quang Diệu	1							1	2.500.000	788.940		500.000	3.789.000
46	Mai Mẹo	Tổ 4, KV4, P. Trần Quang Diệu	3						1	4	75.206.423	3.151.710		2.000.000	80.358.000
47	Trần Điệp	Tổ 3, KV4, P. Trần Quang Diệu	1							1	2.500.000	901.280		500.000	3.901.000
48	Phan Ngọc Tình	Tổ 1, KV4, P. Trần Quang Diệu	1							1	2.500.000			500.000	3.000.000
I	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ		104	8	4	4	1	3	22	146	2.053.604.000	80.019.000	2.970.000	73.000.000	2.209.593.000
II	Chi phí phục vụ GPMB: (I) x 2%														44.192.000
III	Tổng cộng (I) + (II)														2.253.785.000

